

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2024/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 16 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;

Thực hiện Thông báo số 223/TB-UBND ngày 04/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kết luận của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ 65 - khóa X (Ngày 03/7/2024);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 36/TTr-STC ngày 21 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Võ Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Dương

(Kèm theo Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với các công trình áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành, có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công đối với các công trình áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng.

2. Nhà nước hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ vốn bằng hiện vật hoặc bằng tiền theo tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho những dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình.

3. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định về quản lý đầu tư công và Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

4. Các dự án được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thì thực hiện theo Quy định này.

Điều 4. Nguồn vốn hỗ trợ

1. Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Nguồn vốn hợp pháp khác của các tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia khuyến khích áp dụng Quy định này.

Điều 5. Hình thức hỗ trợ

Trên cơ sở mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tùy theo điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn lực cụ thể của địa phương để triển khai thực hiện dự án trên địa bàn, UBND cấp xã quyết định hình thức hỗ trợ cho phù hợp, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, theo các hình thức như sau:

1. Hỗ trợ bằng tiền: Trên cơ sở quyết định phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch vốn được giao của cấp có thẩm quyền, UBND cấp xã thực hiện giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ qua Kho bạc nhà nước cho cộng đồng tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình.

2. Hỗ trợ bằng hiện vật: Trên cơ sở quyết định phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch vốn được giao của cấp có thẩm quyền, UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hiện vật, ký kết hợp đồng, tổ chức nghiệm thu và thanh toán, quyết toán cho đơn vị cung cấp hiện vật theo đúng các quy định hiện hành; Đơn vị cung cấp tổ chức vận chuyển hiện vật đến chân công trình hoặc địa điểm thuận lợi nhất theo thỏa thuận trong hợp đồng để giao cho cộng đồng tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình.

Chương II

THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 6. Mở mã số dự án và tài khoản thanh toán

Sau khi có Quyết định phê duyệt đầu tư dự án theo quy định, chủ đầu tư làm thủ tục mở mã số dự án theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2015 hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách và mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện theo quy định tại Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Điều 7. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán

1. Hồ sơ pháp lý:

- a) Kế hoạch đầu tư hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;
- b) Quyết định phân bổ vốn hỗ trợ hiện vật của cấp có thẩm quyền (trong trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật);
- c) Quyết định phê duyệt đầu tư dự án của Chủ tịch UBND cấp xã kèm theo hồ sơ xây dựng công trình;
- d) Văn bản của UBND cấp xã về việc thực hiện cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện xây dựng công trình;
- đ) Hợp đồng thực hiện dự án được ký kết giữa UBND cấp xã và cộng đồng dân cư.

2. Hồ sơ tạm ứng vốn (theo mẫu biểu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP):

- a) Giấy đề nghị thanh toán vốn (*Mẫu số 04.a/TT*);
- b) Chứng từ chuyển tiền (*Mẫu số 05/TT*);
- c) Trong trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật, hồ sơ ngoài quy định điểm a, b khoản này, thành phần hồ sơ bao gồm: Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp hiện vật; Hợp đồng cung cấp hiện vật giữa UBND cấp xã và các đơn vị cung cấp.

3. Hồ sơ thanh toán (theo mẫu biểu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP):

- a) Giấy đề nghị thanh toán vốn (*Mẫu số 04.a/TT*);
- b) Chứng từ chuyển tiền (*Mẫu số 05/TT*);
- c) Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (*đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT*);
- d) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (*Mẫu số 03.a/TTTT*); Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu (*Mẫu số 03.c/TT*);

Trong trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật, hồ sơ ngoài quy định tại điểm a, b, c, d khoản này, thành phần hồ sơ còn có: Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp hiện vật; Hợp đồng cung cấp hiện vật giữa UBND cấp xã và các đơn vị cung cấp.

4. Đối với hình thức hỗ trợ bằng tiền, UBND cấp xã chuyển trả tiền trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của người đại diện cộng đồng thực hiện thi công xây dựng công trình; Đối với hình thức hỗ trợ bằng hiện vật, UBND cấp xã chuyển trả tiền trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản cho các đơn vị cung cấp.

Điều 8. Tạm ứng vốn, thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Tạm ứng vốn

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

2. Thanh toán khối lượng hoàn thành

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

Chương III **QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ**

Điều 9. Quyết toán theo niên độ

Kết thúc năm ngân sách, UBND cấp xã thực hiện lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước theo năm ngân sách gửi Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện thẩm định theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP và Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh về quy định công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách trên địa bàn tỉnh. Trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo năm ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 10. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Khi dự án, công trình hoàn thành, trong thời gian 04 tháng tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán và trình cấp thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Thành phần hồ sơ quyết toán gồm có:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của Chủ đầu tư (*Bản chính*). Nội dung tờ trình nêu rõ việc thực hiện kiểm toán, thanh tra, kiểm tra đối với dự án và việc chấp hành của Chủ đầu tư đối với kiến nghị của các cơ quan trên (nếu có);

b) Biểu mẫu báo cáo quyết toán gồm: Mẫu số 14/QTDA và Mẫu số 15/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC (*Bản chính*);

c) Các văn bản pháp lý có liên quan gồm: Quyết định phê duyệt đầu tư dự án và các văn bản điều chỉnh, bổ sung (nếu có); Quyết định giao cho cộng đồng dân cư thực hiện dự án; Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp trong trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật; các văn bản pháp lý khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án/gói thầu (*Bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính*);

d) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thực hiện dự án/gói thầu được ký kết giữa UBND cấp xã và đại diện cộng đồng thực hiện (*Bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính*);

đ) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng giữa Chủ đầu tư với các đơn vị cung cấp hiện vật; Biên bản giao nhận hiện vật, hóa đơn mua hàng trong trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật (*Bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính*);

e) Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng (*bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính*);

g) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (A-B) giữa UBND cấp xã và đại diện cộng đồng thực hiện (*bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính*);

h) Bảng tổng hợp quyết toán nguồn vốn huy động khác và các tài liệu, chứng từ chứng minh kèm theo (nếu có);

i) Báo cáo kiểm toán hoặc thông báo kết quả kiểm toán, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước,... (nếu có);

k) Trong quá trình thẩm tra, khi cơ quan thẩm tra có văn bản yêu cầu, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung các tài liệu có liên quan đến công trình, dự án để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán.

2. Thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán: Chủ tịch UBND cấp xã sử dụng bộ phận chuyên môn thuộc quyền quản lý để thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Trường hợp công chức chuyên môn không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán, Chủ tịch UBND cấp xã có văn bản đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra báo cáo quyết toán.

3. Các nội dung khác liên quan đến công tác quyết toán như: nội dung thẩm tra, định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chế độ báo cáo, kiểm tra,... được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

4. Đối với công trình thực hiện theo hình thức nhà nước hỗ trợ bằng hiện vật:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nhận bàn giao, chuẩn bị mặt bằng, kho bãi để bảo quản hiện vật hỗ trợ, mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi riêng hiện vật được bàn giao.

b) Giá trị của hiện vật phải được tổng hợp vào chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu phân bổ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các địa phương; kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện các công trình và hiệu quả sử dụng vốn đảm bảo đúng mục tiêu đề ra.

2. Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

a) Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán xây dựng các công trình có nguồn vốn hỗ trợ thuộc quy định này đảm bảo theo các quy định hiện hành.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tham mưu UBND cấp huyện phân bổ kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý theo quy định; Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn hàng năm theo quy định; Thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành (Trường hợp Chủ tịch UBND cấp xã có văn bản đề nghị); thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước theo năm ngân sách do UBND cấp xã lập.

3. Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện: kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đảm bảo các điều kiện, đúng thời gian quy định của pháp luật hiện hành và Nghị định số 99/2021/NĐ-CP; đôn đốc Chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng; thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ chức năng, nhiệm vụ để phối hợp tổ chức thực hiện.

5. UBND các huyện, thành phố:

a) Thực hiện phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý; giao nhiệm vụ, chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành theo đề nghị của UBND cấp xã; thực hiện quy định chế độ thông tin báo cáo.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện tại cấp xã.

6. UBND cấp xã.

a) Chỉ đạo việc triển khai thực hiện các dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình trên địa bàn xã theo cơ chế đặc thù; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã tham gia thực hiện xây dựng công trình.

b) Tổ chức thẩm định, phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản; thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Trường hợp UBND cấp xã không đủ năng lực thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành, UBND cấp xã có văn bản đề nghị UBND cấp huyện giao cho các phòng ban, chuyên môn tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành.

c) Thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình.

d) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tổ chức thi công công trình, giám sát trong quá trình thi công, tổ chức nghiệm thu công trình; tổ chức huy động sự đóng góp của nhân dân để thi công công trình. Tổng hợp theo dõi chi tiết các khoản nhân dân đóng góp xây dựng công trình.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, sửa đổi cho phù hợp với thực tế thì UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.